

| | | | |
|------------|------------|---------|---------|
| Ngày | 22,900 VNĐ | | |
| 31/03/2024 | | | |
| Thay đổi | 1 tháng | 3 tháng | 6 tháng |
| | 0% | 7.5% | 0.4% |

| | |
|-----------------------|-----------------|
| Sàn giao dịch | UPCOM |
| Khoảng giá 52 tuần | 15,726 - 36,100 |
| Vốn hóa (tỷ VNĐ) | 655 |
| Số lượng CPLH (CP) | 28,599,996 |
| KLGD BQ 20 phiên (CP) | 5 |
| Sở hữu nước ngoài | 0.0% |
| Beta | (0.36) |
| EPS | 2,283 |
| P/E | 10.0 |

DT thuần

Q1/24

93.9

tỷ VNĐ

QoQ: ▼6.10| -6.1%

YoY: ▲ 12.6| 15.5%

LN trước thuế

Q1/24

17.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 6.30| 57.0%

YoY: ▲ 4.40| 34.0%

LN sau thuế

Q1/24

15.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 5.83| 60.0%

YoY: ▲ 3.90| 33.6%

ROA

2023

11.7%

+/- YoY: ▲ 4.2%

DT thuần

2023

386

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 51.0| 15.2%

LN trước thuế

2023

68.7

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 25.3| 58.4%

LN sau thuế

2023

61.5

tỷ VNĐ

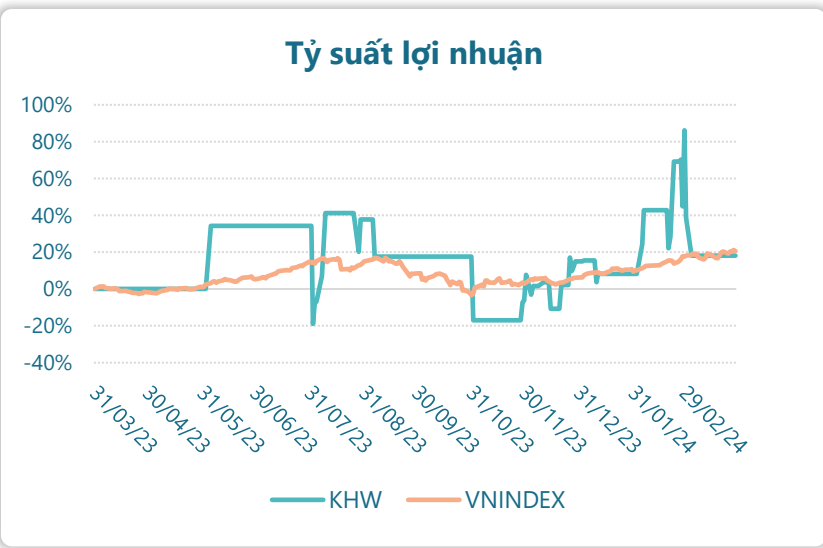
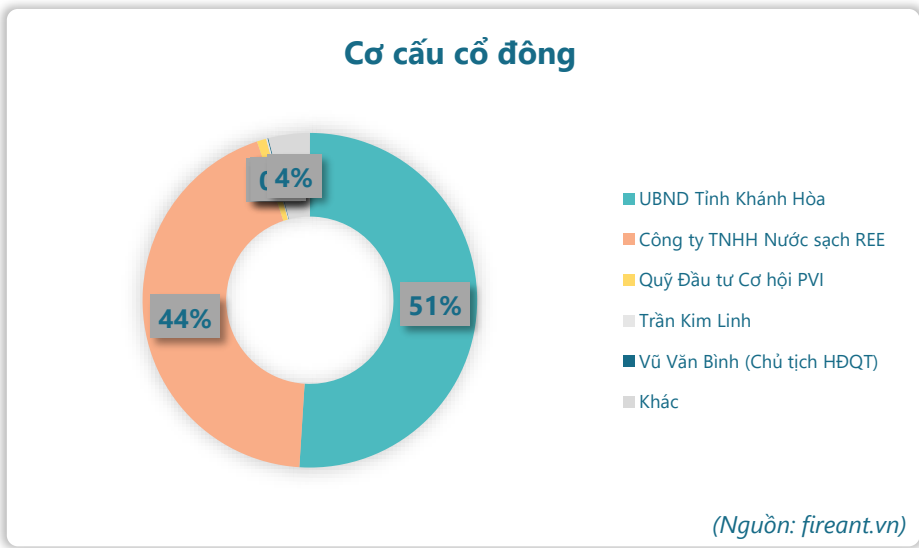
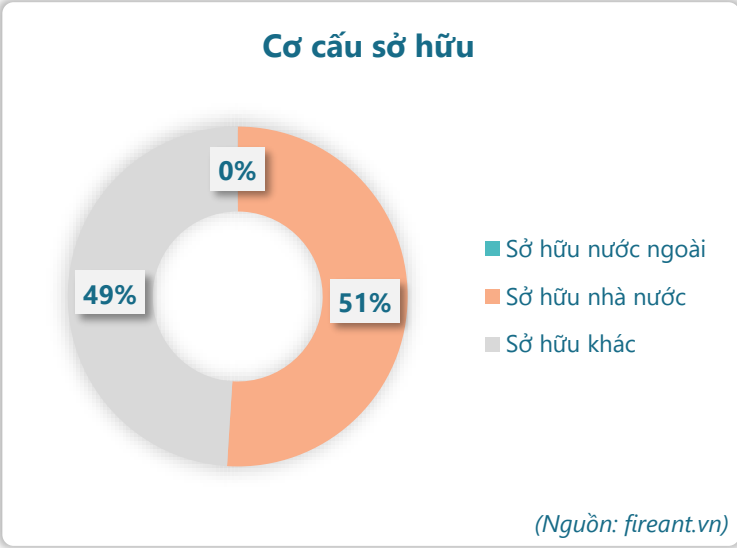
YoY: ▲ 22.9| 59.3%

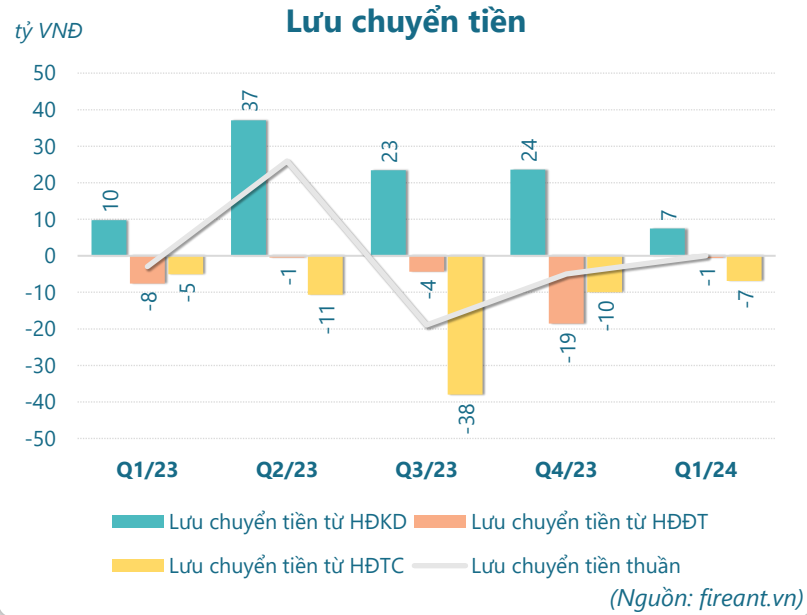
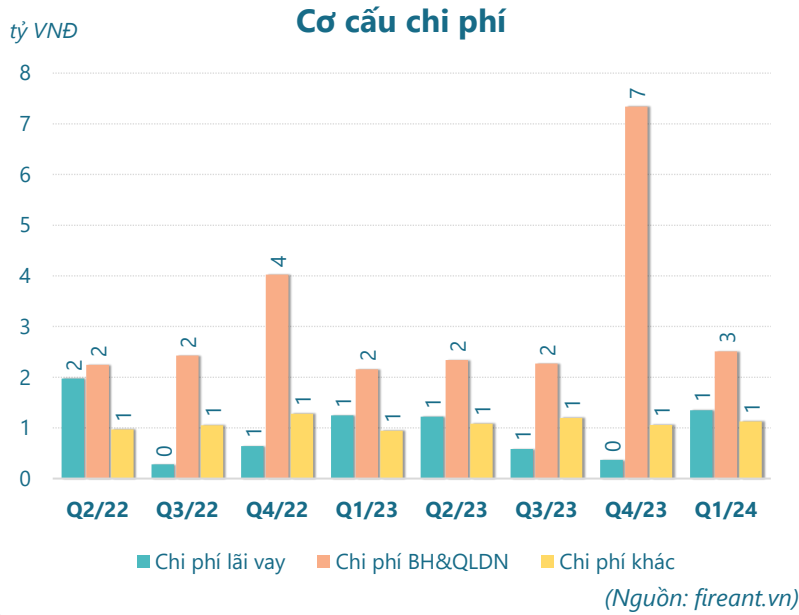
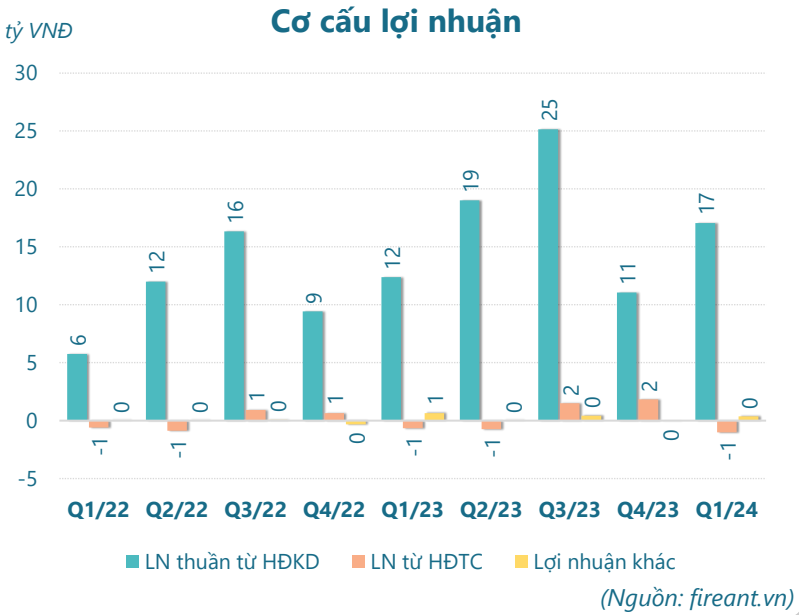
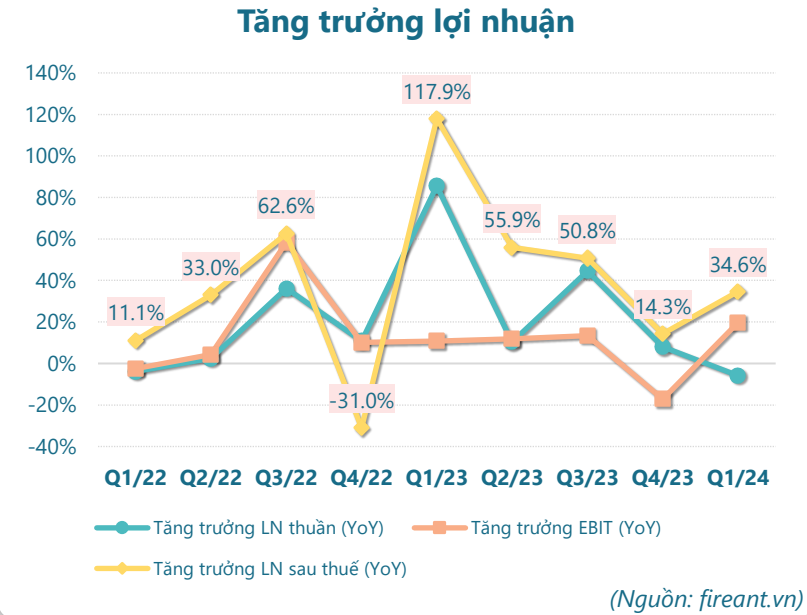
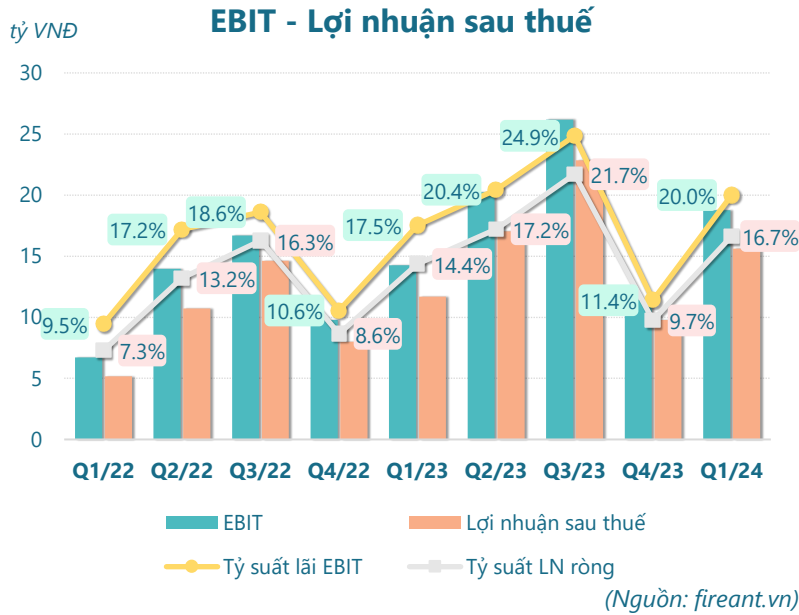
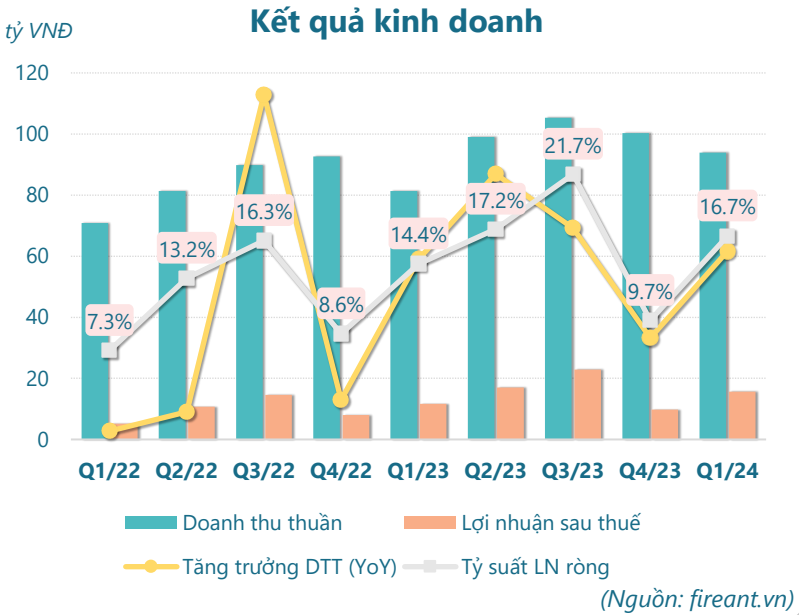
ROE

2023

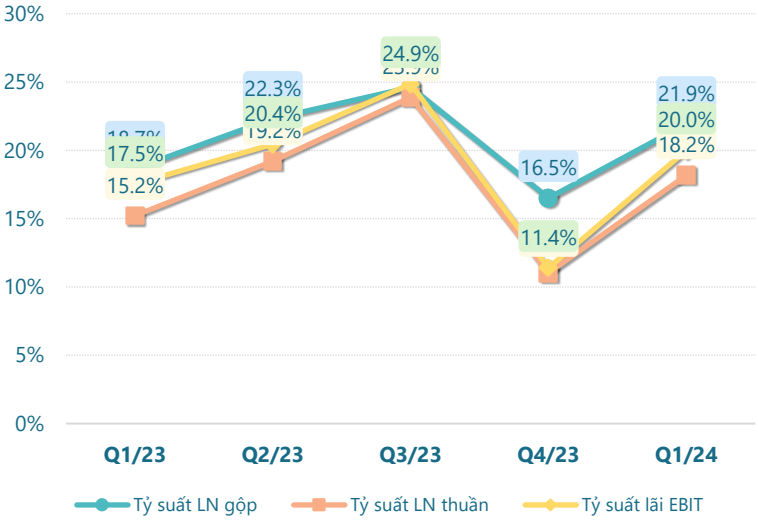
18.1%

+/- YoY: ▲ 6.2%



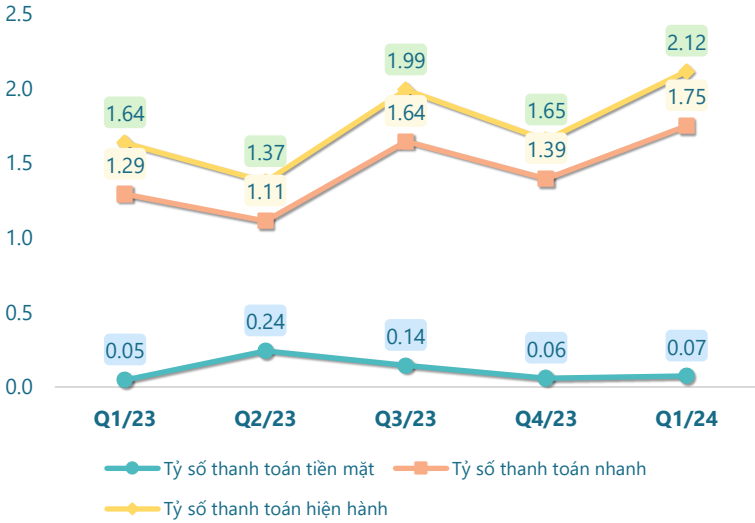


Tỷ suất lợi nhuận



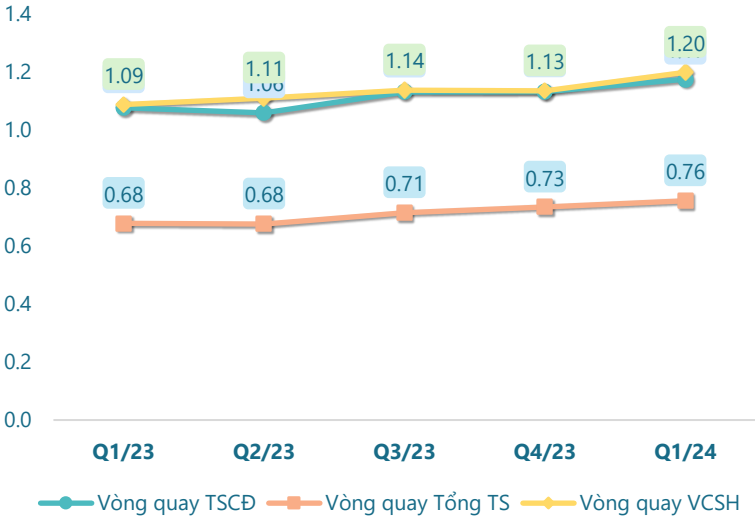
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



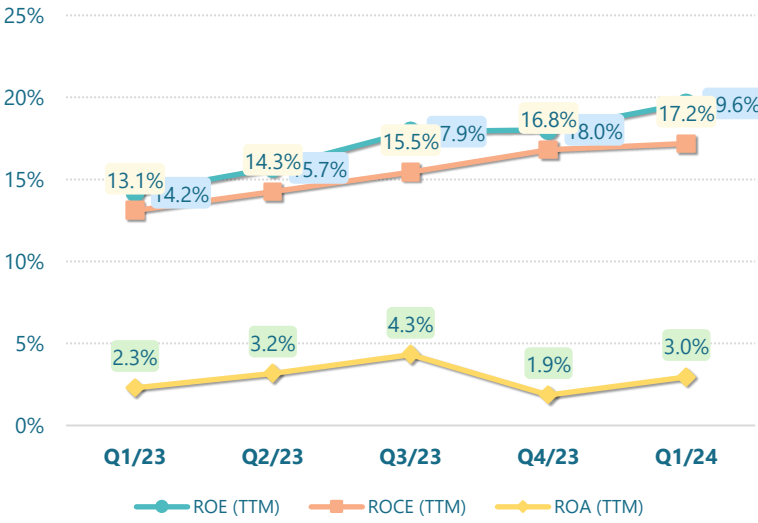
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



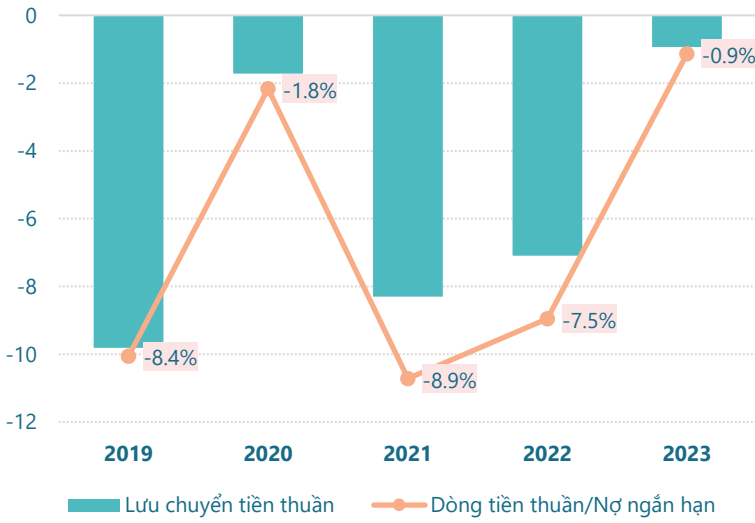
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



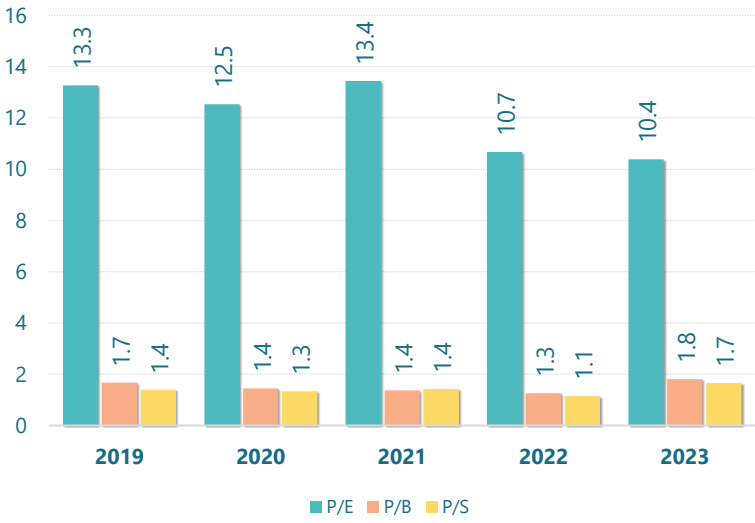
(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

Nhóm chỉ số định giá



(Nguồn: fireant.vn)